

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2018/DS-PT
Ngày: 14-6-2018
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Khánh
Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đan Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2018 và ngày 14 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 308/2017/TLPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 197/2017/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 292/2017/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2017 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 124/2018/QĐ-PT ngày 23 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số 174, Khu phố 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Hòa B – Văn phòng Luật sư Nguyễn Hòa B thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Quang V, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số 482, Khu phố 1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N.

(Bà N, ông Vinh và Luật sư B có mặt;

Bà L có đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trong đơn khởi kiện ngày 17/10/2012 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N trình bày:* Vào năm 2010, bà và bà Nguyễn Thị L có mua bán lúa với nhau, bà là người bán, bà L là người mua, trong quá trình mua bán không có làm hợp đồng, hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau. Hai bên thỏa thuận khi bà L cần lúa lúc nào thì bà đem giao cho bà L, do tài xế của bà L chở, có khi bà cũng là người trực tiếp giao lúa cho bà L, phương thức thanh toán là khi giao lúa cho bà L thì bà L đưa tiền cho tài xế lên trả cho bà, có khi bà nhận trực tiếp tiền của bà L. Đến tháng 5 năm 2012 thì bà L còn nợ bà tổng số tiền 675.714.000đ. Sau đó, bà L đã thanh toán cho bà nhiều lần, số tiền bà L còn nợ lại là 50.000.000đ đến nay bà L chưa thanh toán cho bà. Cụ thể ngày 23/3/2012 bà L có gởi cho ông Lê Quang V trả cho bà số tiền 50.000.000đ khi bà nhận bà lại ghi ngày 22/3/2012. Do đó bà khẳng định bà L còn nợ bà số tiền 50.000.000đ.

Nay bà yêu cầu bà L phải trả cho bà số tiền 50.000.000đ, Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

**Bị đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày:* Bà và bà N mua bán lúa với nhau không có làm hợp đồng chỉ thỏa thuận miệng với nhau, khi mua bán thì các bên tự theo dõi nhau không ký nhận, nhưng khi bà thanh toán tiền cho bà N hay gởi tiền cho tài xế V trả cho bà N đều có ký nhận. Việc bà mua bán lúa với bà N bà đã thanh toán xong. Nay bà N yêu cầu bà trả số tiền 50.000.000đ, bà không đồng ý.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Quang V trình bày:* Ông làm tài xế cho bà L từ giữa tháng 4 năm 2011 đến giữa tháng 5 năm 2012 thì ông nghỉ. Trong thời gian bà L và bà N mua bán lúa với nhau, ông có nhiệm vụ nhận lúa chở về cho bà L, đồng thời khi bà L gởi tiền trả cho bà N ông có ký nhận tiền của bà L. Riêng ngày 23/3/2012 ông có ký nhận của bà L số tiền 50.000.000đ đã trả cho bà N. Đối với bà N cho rằng bà L còn nợ bà N số tiền 50.000.000đ ông hoàn toàn không biết. Nay bà N yêu cầu bà L trả số tiền 50.000.000đ, ông không có ý kiến gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2013/DSST ngày 10/4/2013, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa đã xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, buộc bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 50.000.000đ.

Ngày 15/5/2013, bà L kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm đã xử.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 190/2013/DSPT ngày 26/7/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà

Nguyễn Thị L, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Ngày 26/8/2013, bà Nguyễn Thị L khiếu nại theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị số 90/2016/KN-DS ngày 05/7/2016, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 190/2013/DSPT ngày 26/7/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, đề nghị hủy bản án dân sự phúc thẩm.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 78/2017/DS-GĐT ngày 24/5/2017, Ủy Ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định: Chấp nhận kháng nghị số 90/2016/KN-DS ngày 05/7/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hủy bản án dân sự phúc thẩm số 190/2013/DSPT ngày 26/7/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An và Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2013/DSST ngày 10/4/2013 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

Sau khi thụ lý lại vụ án trên, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 197/2017/DS-ST ngày 20/9/2017, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa đã căn cứ các Điều 26, 35, 186, 273, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 428, 430, 431, 433, 438 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N tranh chấp “Hợp đồng mua bán” đối với bà Nguyễn Thị L.

Án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước. Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 1.250.000 đồng theo Biên lai thu số 0001308 ngày 14/9/2017 của Chi cục thi hành án huyện Đức Hòa. Như vậy bà N phải nộp tiếp 1.250.000đ.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 2.500.000đ theo Biên lai thu số 1835 ngày 06/11/2013 và 200.000 đồng biên lai thu số 3468 ngày 30/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 02/10/2017, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N kháng cáo không đồng ý bản án dân sự sơ thẩm, cụ thể: Bà N yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả 50.000.000 đồng tiền nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán lúa.

Nhận thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư Nguyễn Hòa B – Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu ý kiến:

Việc mua bán lúa giữa bà N và bà L diễn ra từ năm 2010 đến tháng 5/2012. Ngày 23/3/2012, bà N có nhận của bà L 50.000.000 đồng tiền mua bán lúa. Tuy nhiên, trong sổ bà N lại ghi nhầm là ngày 22/3/2012.

Trong quyển sổ do bà L cung cấp thì bà L ghi ngày 23/3/2012 ở phía trên trang giấy, còn ngày 22/3/2012 thì bà L ghi ngày 22/3/2012 ở phía dưới trang giấy. Việc bà L ghi ngày 22/3/2012 ở phía dưới trang giấy có dấu hiệu sửa chữa.

Tại Bản tự khai ngày 05/11/2012, ông V trình bày ngày 23/3/2012, ông có chở lúa của bà N theo yêu cầu của bà L và bà N đã ghi nhầm ngày 23/3/2012 thành ngày 22/3/2012. Ngoài ra, tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/3/2013, ông V xác định ngày 22/3/2012, ông V không có chở lúa cho bà N.

Theo lời trình bày của ông Ngô Văn C thì ngày 23/3/2012, ông thấy ông V là tài xế của bà L đưa tiền cho bà N, bà N trả tiền phơi lúa cho ông, lúc đó bà N lấy sổ ghi ngày 22/3/2012 nên ông nói với bà N hôm nay là ngày 23/3/2012.

Do các bên không có thực hiện việc giao dịch mua bán lúa vào ngày 22/3/2012 nên có thể xác định số tiền 50.000.000 đồng mà bà L trả cho bà N là của ngày 23/3/2012.

Từ đó, Luật sư Nguyễn Hòa B đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, sửa bản án dân sự sơ thẩm, buộc bà L phải trả cho bà N 50.000.000 đồng tiền mua lúa.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu:*

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị N thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

Về việc bà Nguyễn Thị N kháng cáo yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả 50.000.000 đồng tiền nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán lúa:

Xét trong quá trình giải quyết vụ án, bà N xác định số tiền bà yêu cầu bà L thanh toán là số tiền bà L thiếu tiền mua lúa của bà từ trước cộng dồn lại chứ không phải tiền nợ theo từng chuyến mua bán. Việc bà N khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền 50.000.000 đồng là số tiền bà L thiếu tiền mua lúa của bà từ trước cộng dồn lại nhưng bà N không xác định được số tiền này phát sinh cụ thể từ việc mua bán lúa của khoảng thời gian nào, lần giao dịch nào, với số lượng và số tiền cụ thể của từng lần mua bán là bao nhiêu mà chỉ nói chung chung, bà cũng không

cung cấp được chứng cứ cho yêu cầu khởi kiện này, mà khi khởi kiện chỉ nêu lý do bà đã ghi nhầm ngày nhận tiền trong việc mua bán lúa với bà L để khởi kiện. Mặc khác theo Bản tự khai ngày 05/8/2017, bà N trình bày sau khi đối chiếu và cộng lại thì số tiền mà bà N cho rằng bà L còn nợ bà vẫn không đủ số tiền 50.000.000đ mà bà yêu cầu. Xét bà N không cung cấp chứng cứ nào khác ngoài lời trình bày về việc ghi nhầm lần ngày nhận tiền và giao lúa cho bà L nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ.

Từ ý kiến và quan điểm trên, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị N được thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn là bà Nguyễn Thị L: Tại Biên bản lấy lời khai ngày 24/5/2018, bà Nguyễn Thị L có yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

[3] Về việc bà Nguyễn Thị N kháng cáo yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả 50.000.000 đồng tiền nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán lúa:

Xét tại Biên bản lấy lời khai ngày 10/01/2013, bà N trình bày ngày 23/3/2012, bà giao đủ số lượng lúa theo yêu cầu của bà L và nhận 50.000.000 đồng do ông V giao. Tuy nhiên, khi ghi giấy báo cho bà L về số lượng và số tiền đã nhận thì bà ghi nhầm ngày 23/3/2012 thành ngày 22/3/2012.

Tại Bản tự khai ngày 05/11/2012, ông V trình bày ngày 23/3/2012, ông có chở lúa của bà N theo yêu cầu của bà L và bà N đã ghi nhầm ngày 23/3/2012 thành ngày 22/3/2012. Ngoài ra, tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/3/2013, ông V xác định ngày 22/3/2012, ông không có chở lúa cho bà N.

Theo lời trình bày của ông Ngô Văn C thì ngày 23/3/2012, ông thấy ông V là tài xế của bà L đưa tiền cho bà N, bà N trả tiền phơi lúa cho ông, lúc đó bà N lấy sổ ghi ngày 22/3/2012 nên ông nói với bà N hôm nay là ngày 23/3/2012.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 26/7/2013 thì bà N và ông V đều xác định ngày 23/3/2012, bà L có mua lúa của bà N 110 bao và đã trả 50.000.000 đồng

cho bà N thông qua ông V. Còn ngày 22/3/2012, bà L không có mua lúa của bà N và ông V cũng không có chở lúa vào ngày 22/3/2012.

Từ những chứng cứ trên xét việc bà N trình bày ghi nhầm ngày giao lúa cho bà L là ngày 23/3/2012 thành ngày 22/3/2012 là có căn cứ. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 10/01/2013, bà N trình bày là đến hết tháng 4/2012, bà xuống gặp bà L để kết sổ theo dõi của bà và bà L thì các ngày tháng, số lượng lúa và số tiền giao nhận đều khớp nhau, duy nhất chỉ có ngày 22/3/2012 giữa bà và bà L là không khớp nhau. Như vậy, các số liệu giao dịch mua bán của hai bên trước tháng 4/2012 là khớp nhau, trừ ngày 22/3/2012. Nhưng do các bên không có thực hiện việc giao dịch mua bán lúa vào ngày 22/3/2012 nên có thể xác định số tiền 50.000.000 đồng mà bà L trả cho bà N là của ngày 23/3/2012.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà N xác định số tiền bà yêu cầu bà L thanh toán là số tiền bà L thiếu tiền mua lúa của bà từ trước cộng dồn lại chứ không phải tiền nợ theo từng chuyến mua bán. Việc bà N khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền 50.000.000 đồng là số tiền bà L thiếu tiền mua lúa của bà từ trước cộng dồn lại nhưng bà N không xác định được số tiền này phát sinh cụ thể từ việc mua bán lúa của khoảng thời gian nào, lần giao dịch nào, với số lượng và số tiền cụ thể của từng lần mua bán là bao nhiêu mà chỉ nói chung chung, bà cũng không cung cấp được chứng cứ cho yêu cầu khởi kiện này, mà khi khởi kiện chỉ nêu lý do bà đã ghi nhầm ngày nhận tiền trong việc mua bán lúa với bà L để khởi kiện. Mặc khác theo Bản tự khai ngày 05/8/2017, bà N trình bày sau khi đối chiếu và cộng lại thì số tiền mà bà N cho rằng bà L còn nợ bà vẫn không đủ số tiền 50.000.000đ mà bà yêu cầu. Xét bà N không cung cấp chứng cứ nào khác ngoài lời trình bày về việc ghi nhầm lần ngày nhận tiền và giao lúa cho bà L nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ.

[4] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại các Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể:

Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là: $05\% \times 50.000.000 \text{ đồng} = 2.500.000 \text{ đồng}$.

Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Tại Công văn số 74/CCTHADS ngày 15/12/2016 (Bút lục số 107), Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa thông báo kết quả thi hành án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa đã hoàn lại cho bà Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí là 1.250.000 đồng tại phiếu chi số: 1772 ngày 26/9/2013 theo Quyết định thi hành án số: 2644/QĐ-CCTHA ngày 26/7/2013.

- Bà Nguyễn Thị L đã thi hành xong số tiền án phí 2.700.000 đồng tại các Biên lai thu số 1835 ngày 06/11/2013 (200.000 đồng) và Biên lai thu số 3468 ngày 30/8/2016 theo Quyết định thi hành án số: 52/QĐ-CCTHA ngày 12/10/2013 theo Bản án dân sự phúc thẩm số 190/2013/DSPT ngày 26/7/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Do Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả 50.000.000 đồng tiền nợ mua bán lúa nên bà L không phải chịu án phí dân sự sơ, phúc thẩm. Do đó, hoàn trả cho bà L 2.700.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa vào 06/11/2013 và ngày 30/8/2016. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tuyên trả cho bà L 2.500.000 đồng là sai sót nên cần điều chỉnh lại cho đúng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 197/2017/DS-ST ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 428, 430, 431, 433, 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) tiền nợ mua bán lúa.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị N phải nộp 2.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 1.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng số 0001308 ngày 14/9/2017 tại Chi cục Thi hành án huyện Đức Hòa nên bà N phải nộp tiếp 1.250.000 đồng.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 2.700.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng số 1835 ngày 06/11/2013 và 200.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng số 3468 ngày 30/8/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án

phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0001328 ngày 02/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa nên bà N không phải nộp tiếp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Minh Tuấn